

Biểu số 6: Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp năm 2024

CÔNG TY TNHH MTV  
KHAI THÁC THỦY LỢI AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MST: 1601228667

Số: 4.3.4/BC-KTTL

An Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC  
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2024

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin chung.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- + Ông Hồ Văn Mừng, Chủ tịch UBND tỉnh An Giang;
- + Ông Lê Văn Phước, Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang;
- + Bà Nguyễn Thị Minh Thuý, Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang;
- + Ông Ngô Công Thức, Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang.

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

| TT | Số văn bản   | Ngày       | Nội dung<br>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)                                                                                                                                                |
|----|--------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 2227/QĐ-UBND | 29/12/2023 | Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đặt hàng quản lý, vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý năm 2024 đối với Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang  |
| 2  | 2082/QĐ-UBND | 30/12/2024 | Quyết định về việc điều chỉnh Kế hoạch đặt hàng quản lý, vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý năm 2024 đối với Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang |
| 3  | 2223/QĐ-UBND | 29/12/2023 | Quyết định về việc giao dự toán nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 do cấp tỉnh quản lý                                                                      |

|   |             |            |                                                                                                                                                                  |
|---|-------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | 113/QĐ-UBND | 15/01/2024 | Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác Thủy lợi An Giang                           |
| 5 | 747/QĐ-UBND | 08/5/2024  | Quyết định về việc điều động ông Lê Đức Lập đến Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi An Giang.                                                                    |
| 6 | 892/QĐ-UBND | 31/05/2024 | Quyết định về việc phê duyệt báo cáo mục tiêu tổng quát, kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang |
| 7 | 228/QĐ-UBND | 07/02/2024 | Quyết định Về việc phê duyệt Chương trình công tác năm 2024 của Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang                           |

## II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

**BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

| TT | Họ và tên          | Năm sinh | Trình độ chuyên môn                               | Kinh nghiệm nghề nghiệp | Các vị trí quản lý đã nắm giữ |
|----|--------------------|----------|---------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| 1  | Nguyễn Văn Ngại    | 1964     | Kỹ sư Nông nghiệp                                 | 37 năm                  | Chủ tịch                      |
| 2  | Vương Hữu Tiếng    | 1966     | Kỹ sư Thủy nông                                   | 35 năm                  | Giám đốc                      |
| 3  | Nguyễn Hữu Trí     | 1966     | Kỹ sư Thủy nông                                   | 35 năm                  | Phó Giám đốc                  |
| 4  | Huỳnh Văn Tùng     | 1968     | Kỹ sư Xây dựng                                    | 34 năm                  | Phó Giám đốc                  |
| 5  | Ngô Minh Kiến      | 1980     | Kỹ sư Thủy nông                                   | 21 năm                  | Phó Giám đốc                  |
| 6  | Lê Đức Lập         | 1981     | Kỹ sư Xây dựng                                    | 19 năm                  | Phó Giám đốc                  |
| 7  | Nguyễn Bình Sơn    | 1989     | Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kế toán                     | 14 năm                  | Kế toán trưởng                |
| 8  | Lê Đoàn Kiên Giang | 1980     | Cử nhân kinh tế nông nghiệp và PTNT/ Cử nhân luật | 26 năm                  | Kiểm Soát viên                |

### 2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024: 3.067.652.000 đồng

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.

**BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

| TT | Họ và tên       | Chức vụ  | Mức lương  | Hệ số | Tiền lương/năm | Tiền thưởng, thu nhập khác |
|----|-----------------|----------|------------|-------|----------------|----------------------------|
| 1  | Nguyễn Văn Ngại | Chủ tịch | 38.910.000 | 6,64  | 466.920.000    | 43.774.000                 |

|   |                    |                |            |      |             |            |
|---|--------------------|----------------|------------|------|-------------|------------|
| 2 | Vương Hữu Tiếng    | Giám đốc       | 37.354.000 | 6,31 | 448.248.000 | 42.023.000 |
| 3 | Nguyễn Hữu Trí     | Phó Giám đốc   | 32.684.000 | 5,65 | 392.208.000 | 36.774.000 |
| 4 | Huỳnh Văn Tùng     | Phó Giám đốc   | 32.684.000 | 5,32 | 392.208.000 | 36.774.000 |
| 5 | Ngô Minh Kiến      | Phó Giám đốc   | 32.684.000 | 5,65 | 392.208.000 | 36.774.000 |
| 6 | Lê Đức Lập         | Phó Giám đốc   | 32.684.000 | 5,32 | 228.788.000 | 36.774.000 |
| 7 | Lê Đoàn Kiên Giang | Kiểm soát viên | 32.684.000 | 5,65 | 392.208.000 | 36.774.000 |
| 8 | Nguyễn Bình Sơn    | Kế toán trưởng | 29.572.000 | 5,32 | 354.864.000 | 33.268.000 |

### 3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đầu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

#### BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

| TT | Số văn bản  | Ngày      | Người ký, ban hành                    | Nội dung<br>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)                            |
|----|-------------|-----------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 88/QĐ-KTTL  | 25/3/2024 | Nguyễn Văn Ngại /<br>Chủ tịch Công ty | Quyết định phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 |
| 2  | 269/QĐ-KTTL | 10/5/2024 | Nguyễn Văn Ngại/<br>Chủ tịch Công ty  | Quyết định V/v bổ nhiệm người quản lý                                           |
| 3  | 294/QĐ-KTTL | 27/5/2024 | Nguyễn Văn Ngại/<br>Chủ tịch Công ty  | Quyết định V/v xếp lương người quản lý                                          |

### III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

#### 1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

#### BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

| TT | Họ và tên          | Năm sinh | Trình độ chuyên môn                               | Chức vụ                   | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Tỷ lệ tham dự họp |
|----|--------------------|----------|---------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-------------------|
| 1  | Lê Đoàn Kiên Giang | 1980     | Cử nhân kinh tế nông nghiệp và PTNT/ Cử nhân luật | Kiểm soát viên            | 07/2020 đến nay                | 100%              |
| 2  | Lê Thị Thùy Trang  | 1982     | Thạc Sĩ                                           | Kiểm soát viên kiêm nhiệm | 01/2024 đến nay                | 100%              |

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

| TT | Số văn bản  | Ngày       | Nội dung<br>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)                                                                                                               | Ghi Chú |
|----|-------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | 01/TTr-KSV  | 19/01/2024 | Tờ trình V/v phê duyệt Chương trình công tác năm 2024 của Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang                                   |         |
| 2  | 03/BC-KSV   | 19/01/2024 | Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Kiểm soát viên                                                                            |         |
| 3  | 04/BKS-KTTL | 06/3/2024  | V/v quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Người quản lý và Người lao động Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi An Giang               |         |
| 4  | 05/BC-BKS   | 26/4/2024  | Báo cáo kết quả hoạt động quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024 của Kiểm soát viên                                                                        |         |
| 5  | 06/BC-BKS   | 26/7/2024  | Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi An Giang |         |
| 6  | 07/BC-BKS   | 25/10/2024 | Báo cáo kết quả hoạt động quý III năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2024 của Kiểm soát viên                                                             |         |

IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (nếu có)

V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP (không có)

| TT | Tên tổ chức, cá nhân | Chức vụ (nếu có) | Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do không còn là người liên quan |
|----|----------------------|------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|
| 1  |                      |                  |                                       |                                         |                                           |                                    |

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BẢNG SỐ 7: THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (không có)

| TT  | Tên tổ chức, cá nhân | Thời điểm giao dịch | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch | Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua |
|-----|----------------------|---------------------|--------------------|-------------------|--------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                  | (3)                 | (4)                | (5)               | (6)                                                    |
| 1   |                      |                     |                    |                   |                                                        |

#### VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của doanh nghiệp (người): 08 người quản lý và 191 lao động.
- Mức lương trung bình người lao động/năm: 103.632.000 đồng.
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm: 17.520.000 đồng.

GIÁM ĐỐC 



Vương Hữu Tiếng